

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2019/HSST
Ngày: 15 - 10 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa;
2. Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương:
Ông Lê Ngọc Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 238/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1969 tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú: 147 khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 1/3 khu phố Đông N, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có vợ tên Mai Kim L và có 02 người con sinh năm 2009, 2012; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 18/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 252/2016/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 22/5/2017.

Về nhân thân:

Ngày 10/7/1987, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã T, tỉnh Bình Dương) xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

Ngày 15/01/1990, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã T, tỉnh Bình Dương) xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

Ngày 11/3/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

Ngày 15/10/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 11 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2019 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Phạm Hoàng Á (tên gọi khác: Giang), sinh năm 1985 tại Bình Dương; nơi cư trú: 61/4 tổ 20, khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S (đã chết) và bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị H và có 03 người con sinh năm 2012, 2013, 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2019 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978; nơi cư trú: 62/01 khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1976; nơi cư trú: 53/3A H, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1987; nơi cư trú: 966 H, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Mai Kim L, sinh năm 1972, vắng mặt.

2. Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1958, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/3/2019, Phạm Văn H thuê xe ôm của một người đàn ông không rõ nhân thân, lái lịch đi đến khu vực phường A, thị xã Thuận An mục đích nhằm tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến trước cửa hàng điện thoại di động Kiều Nguyễn tọa lạc tại địa chỉ số 112/01, khu phố T, phường A, thị

xã Thuận An do bà Nguyễn Thị Kim H làm chủ, H nhìn thấy cửa hàng khóa cửa bên ngoài, không người trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong lấy trộm tài sản. H trèo lên mái nhà của cửa hàng, dùng mỏ lết đã chuẩn bị sẵn mở vít bắn mái tôn ra và chui vào bên trong cửa hàng, H lén lút lấy 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, 01 đôi bông tai vàng, 01 nhẫn vàng, số tiền 1.025.000 đồng và 428 sim, card điện thoại di động các loại. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, H gọi điện thoại kêu Nguyễn Phạm Hoàng A đến nhà của H và đưa cho A 01 túi nylon bên trong chứa sim, card điện thoại di động để đi bán, A đồng ý, bản thân A biết rõ số sim, card là do H trộm cắp mà có. Sau đó, A đem số sim, card đến cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ số 53/3A, đường H, khu phố 2, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho ông Nguyễn Trung T với giá 21.709.000 đồng, A nói với H là bán được 14.425.000 đồng và giữ riêng số tiền 7.784.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 14.425.000 đồng Hoàng cho A 4.000.000 đồng.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H tiếp tục đưa cho A 01 túi nylon bên trong có 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng để A tìm nơi bán và A cũng biết số tài sản trên do H chiếm đoạt của người khác nhưng vẫn đồng ý đi bán. Sau đó, A mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại Thành Phát tọa lạc tại địa chỉ 949A H, tổ 41, khu phố 3, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Mạnh H làm chủ, bán được số tiền 22.500.000 đồng, A nói với H là bán được 22.000.000 đồng và giữ riêng số tiền 500.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 22.000.000 đồng, H cho A 6.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2019, bà Nguyễn Thị Kim H phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an phường An Thạnh trình báo sự việc, đồng thời cung cấp hình ảnh camera an ninh của cửa hàng, qua kiểm tra phát hiện đối tượng Phạm Văn H nên lực lượng công an triệu tập H làm việc, tại cơ quan công an H thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận đưa tài sản đã lấy trộm được cho Nguyễn Phạm Hoàng A mang đi bán.

Tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Văn H thu giữ: 01 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai, 09 card điện thoại, số tiền 25.000.000 đồng. Nguyễn Phạm Hoàng A giao nộp số tiền 9.500.000 đồng, thu giữ tại cửa hàng Thành Phát 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, ông Trần Minh T giao nộp 419 sim, card điện thoại các loại.

Tang vật thu giữ trong vụ án: 01 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai, số tiền 34.500.000 đồng, 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, 428 sim, card điện thoại các loại.

Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 29/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: 01 nhẫn vàng, 01 đôi bông

tai, 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, 428 sim, card điện thoại các loại. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 56.620.700 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 254/CT-VKS-TA ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng Â về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Văn H từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng Â từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Trung T và ông Trần Mạnh H yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ số tiền 34.500.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T và ông Trần Mạnh H yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ số tiền 34.500.000 đồng, tương ứng với 17.250.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Phạm Hoàng Â khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 00 giờ ngày 20/3/2019, tại cửa hàng điện thoại di động Kiều Nguyễn tọa lạc tại địa chỉ số 112/01, khu phố T, phường A, thị xã Thuận An do bà Nguyễn Thị Kim H làm chủ, Phạm Văn H cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, 01 đôi bông tai vàng, 01 nhẫn vàng, số tiền 1.025.000 đồng và 428 sim, card điện thoại di động các loại của bị hại Nguyễn Thị Kim H có giá trị là 57.645.700 đồng. Mặt khác, Nguyễn Phạm Hoàng A biết rõ các tài sản trên do Phạm Văn H thực hiện hành vi phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mang đi bán để thu lợi bất chính với tổng số tiền 44.209.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Phạm Hoàng A với tội danh, điều, khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo H nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Bị cáo A nhận thức được hành vi biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có mà vẫn đi tiêu thụ nhằm mục đích thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật hình sự và cũng là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản ngày càng tăng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương; đồng thời, bị cáo H có nhân thân rất xấu đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không cải sửa bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó cho thấy bị cáo H có thái độ xem thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo suy nghĩ lại hành vi phạm tội của mình, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn H bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phạm tội

thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ân thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 02 lần nên phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trung T và Trần Mạnh H yêu cầu được nhận lại mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền 34.500.000 đồng thu giữ trong vụ án, tương ứng với 17.250.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T, ông H và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai, 23 điện thoại di động các loại, 03 máy tính bảng, 428 sim, card điện thoại các loại thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Kim H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã trả lại cho bà H là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 34.500.000 đồng thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là số tiền mà ông Hùng và ông Thông bỏ ra mua các tài sản của bị cáo Ân đem đi bán và không biết số tài sản Ân đem bán là do thực hiện hành vi phạm tội mà có nên trả số tiền trên cho ông Hùng và Thông.

Đối với ông Nguyễn Trung T, Trần Mạnh H không biết số tài sản Ân bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc mỏ lết H sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, H đã vứt bỏ và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã tiến hành truy tìm nhưng không thu được nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52Y5-1464, nhãn hiệu Yamaha bị cáo A sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H;

- Điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng Á.

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng Á phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Hoàng Á 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Hoàn trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền 17.250.000 đồng và ông Trần Mạnh H số tiền 17.250.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 09/9/2019.

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Phạm Hoàng Á, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA